

ASSOCIATED FACTORS RELATED WITH SOCIAL ANXIETY DISORDER IN THE FIRST-YEAR STUDENTS AT THAI NGUYEN UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY

Le Thi Thanh Hoa*, Nguyen Duc Anh, Truong Thi Thuy Duong

*Thai Nguyen University of Medicine and Pharmacy - 284 Luong Ngoc Quyen, Thai Nguyen city,
Thai Nguyen province, Vietnam*

Received: 27/02/2025

Revised: 01/6/2025; Accepted: 06/6/2025

ABSTRACT

Objective: This study aims to determine the related factors of social anxiety disorder in the first-year students in Thai Nguyen University of Medicine and Pharmacy in 2023.

Subject and methods: A cross-sectional study was conducted at 1019 first-year students in Thai Nguyen University of Medicine and Pharmacy from July to December 2023.

Results: Some related factors to incidence of social anxiety disorder include: medicine (OR = 1.70; $p < 0.05$), only child in family (OR = 1.87; $p < 0.05$), self-deprecation (OR = 1.68; $p < 0.05$), time to use social network greater than or equal to 3 hours per day (OR = 1.49; $p < 0.05$), having difficulty to find another friend (OR = 2.07; $p < 0.05$).

Conclusion: Need for plans to advise, educate, and support first-year students to integrate into the new environment, reducing the incidence and increase of the disease.

Keywords: Social anxiety disorder, first-year student, related factors.

*Corresponding author

Email: linhtrang249@gmail.com **Phone:** (+84) 912868111 **Https://doi.org/10.52163/yhc.v66iCD9.2710**

MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN VỚI RỐI LOẠN LO ÂU XÃ HỘI Ở SINH VIÊN NĂM THỨ NHẤT TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI NGUYÊN

Le Thi Thanh Hoa*, Nguyễn Đức Anh, Trương Thị Thùy Dương

Trường Đại học Y Dược, Đại học Thái Nguyên - 284 Đường Lương Ngọc Quyến,
thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Ngày nhận bài: 27/02/2025

Ngày chỉnh sửa: 01/6/2025; Ngày duyệt đăng: 06/6/2025

TÓM TẮT

Mục tiêu: Xác định một số yếu tố liên quan đến rối loạn lo âu xã hội ở sinh viên chính quy năm thứ nhất Trường Đại học Y Dược, Đại học Thái Nguyên năm 2023.

Đối tượng và phương pháp: Nghiên cứu mô tả cắt ngang được tiến hành trên 1019 sinh viên chính quy năm thứ nhất Trường Đại học Y Dược, Đại học Thái Nguyên từ tháng 7/2023 đến tháng 12/2023.

Kết quả: Các yếu tố có liên quan đến tỷ lệ mắc rối loạn lo âu xã hội bao gồm: ngành học y khoa (OR = 1,70; $p < 0,05$), là con một trong gia đình (OR = 1,87; $p < 0,05$), tự ti về bản thân (OR = 1,68; $p < 0,05$), sử dụng mạng xã hội ≥ 3 giờ/ngày (OR = 1,49; $p < 0,05$), gặp khó khăn trong việc tìm bạn mới (OR = 2,07; $p < 0,05$).

Kết luận: Cần có những kế hoạch tư vấn, giáo dục, hỗ trợ sinh viên năm thứ nhất hòa nhập với môi trường mới, làm giảm tỷ lệ mắc và sự gia tăng của bệnh.

Từ khóa: Rối loạn lo âu xã hội, sinh viên năm thứ nhất, yếu tố liên quan.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Rối loạn lo âu xã hội là tình trạng né tránh các tình huống xã hội do luôn có cảm giác sợ hãi và căng thẳng thường trực, làm gián đoạn cuộc sống người bệnh, ảnh hưởng đến các mối quan hệ, thói quen hàng ngày và những hoạt động khác. Tình trạng rối loạn lo âu xã hội đang ngày càng trở nên phổ biến và cao hơn đáng kể ở thanh thiếu niên, đặc biệt sinh viên nhóm ngành sức khỏe [1-2]. Trong nghiên cứu của Yared Reta và cộng sự, tỷ lệ mắc ở sinh viên y khoa chiếm 32,8% [3]. Một nghiên cứu khác cho thấy tỷ lệ này lên tới 51,9% [4]. Ở Việt Nam, một nghiên cứu trên sinh viên y học dự phòng, tỷ lệ mắc rối loạn lo âu xã hội là 58,2% [5]. Các yếu tố bản thân, gia đình và xã hội có ảnh hưởng lớn đến sức khỏe tâm thần của sinh viên y dược, đặc biệt là rối loạn lo âu xã hội. Các nghiên cứu chỉ ra rối loạn lo âu xã hội ở sinh viên có liên quan đến các mối tương quan xã hội nhân khẩu học như tuổi trẻ hơn, giới tính nữ, tình trạng độc thân, trình độ học vấn thấp hơn, thu nhập hộ gia đình thấp hơn... [4-7] Vì vậy, cần có những nghiên cứu nhằm theo dõi sức khỏe và xây dựng các biện pháp dự phòng nhằm chăm sóc sức khỏe nói chung và sức khỏe tâm thần nói riêng cho người học.

Trường Đại học Y Dược, Đại học Thái Nguyên có số lượng sinh viên đông và đa dạng về dân tộc, văn hóa, tôn giáo và hoàn cảnh. Sinh viên năm thứ nhất học tập tại trường là đối tượng rất dễ có những thay đổi tâm lý do thay đổi môi trường sống và phương pháp học tập

mới. Việc phát hiện các yếu tố có liên quan đến bệnh giúp xác định các đối tượng ưu tiên trong chăm sóc sức khỏe tâm thần là rất cần thiết. Câu hỏi đặt ra là: Những yếu tố nào có liên quan đến rối loạn lo âu xã hội ở sinh viên năm thứ nhất? Để trả lời cho câu hỏi này, chúng tôi tiến hành nghiên cứu này với mục tiêu phân tích một số yếu tố liên quan đến rối loạn lo âu xã hội ở sinh viên chính quy năm thứ nhất Trường Đại học Y Dược, Đại học Thái Nguyên.

2. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu mô tả, thiết kế cắt ngang.

2.2. Địa điểm và thời gian nghiên cứu

Nghiên cứu tiến hành tại Trường Đại học Y Dược, Đại học Thái Nguyên trong thời gian từ 7/2023 đến 12/2023.

2.3. Đối tượng nghiên cứu

Sinh viên chính quy năm thứ nhất Trường Đại học Y Dược, Đại học Thái Nguyên.

- Tiêu chuẩn chọn: chọn toàn bộ sinh viên chính quy năm thứ nhất thuộc 7 chuyên ngành đào tạo đại học của Trường Đại học Y Dược, Đại học Thái Nguyên.

- Tiêu chuẩn loại trừ: sinh viên đã được chẩn đoán hoặc đang điều trị các bệnh lý trầm cảm, rối loạn cảm xúc khác trong thời gian nghiên cứu; sinh viên vắng mặt tại thời điểm nghiên cứu.

*Tác giả liên hệ

2.4. Cơ mẫu, chọn mẫu

Chọn toàn bộ sinh viên chính quy năm thứ nhất thuộc tất cả các chuyên ngành của Trường Đại học Y Dược, Đại học Thái Nguyên thỏa mãn tiêu chuẩn chọn và tiêu chuẩn loại trừ. Kết quả chọn được 1019 sinh viên đưa vào nghiên cứu.

2.5. Chỉ số nghiên cứu

- Mỗi liên quan giữa yếu tố nhân khẩu học với tỷ lệ mắc rối loạn lo âu xã hội.
- Mỗi liên quan giữa yếu tố gia đình với tỷ lệ mắc rối loạn lo âu xã hội.
- Mỗi liên quan giữa yếu tố hành vi lối sống với tỷ lệ mắc rối loạn lo âu xã hội.
- Mỗi liên quan giữa yếu tố xã hội với tỷ lệ mắc rối loạn lo âu xã hội.

2.6. Kỹ thuật, công cụ và quy trình thu thập số liệu

Bộ công cụ được chia thành 3 phần thu thập thông tin nhân khẩu học, khảo sát tình trạng lo âu xã hội và một số yếu tố bản thân, gia đình, xã hội.

- Xác định lo âu xã hội: sử dụng thang đo tự đánh giá Liebowitz Social Anxiety Scale. Thang đo gồm 24 mục

chia làm 2 phần đánh giá nỗi sợ hãi/lo lắng và sự né tránh, 13 mục liên quan đến các biểu hiện sợ hãi/lo lắng và 11 mục liên quan đến sự ứng phó với các tình huống xã hội. Kết quả được tính dựa trên tổng điểm cả 2 phần, cụ thể như sau: bình thường (< 55 điểm), nhẹ (55-65 điểm), vừa (65-80 điểm), nặng (80-95 điểm), rất nặng (95-144 điểm).

- Số liệu về các yếu tố liên quan thu thập trên bộ công cụ phỏng vấn được thiết kế sẵn, tự điền và khuyết danh.

2.7. Xử lý và phân tích số liệu

Số liệu được xử lý bằng phần mềm SPSS 25.0. Sử dụng kiểm định Chi square cho các biến số định tính và xác định OR, khoảng tin cậy 95%CI, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê khi $p < 0,05$. Phân tích hồi quy logistic đa biến xem xét mối liên hệ giữa rối loạn lo âu xã hội với các yếu tố độc lập (các yếu tố độc lập được lựa chọn vào mô hình đa biến khi kiểm định đơn biến có giá trị $p < 0,05$). Kiểm định có ý nghĩa thống kê khi $p < 0,05$.

2.8. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu được chấp thuận của Hội đồng Đạo đức trong nghiên cứu y sinh học Trường Đại học Y Dược, Đại học Thái Nguyên, mã số 754/ĐHYD-HĐĐĐ.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 1. Mối liên quan giữa các yếu tố nhân khẩu học với tỷ lệ rối loạn lo âu xã hội

Yếu tố		Rối loạn lo âu xã hội		OR (95%CI)	p
		Có	Không		
Giới	Nữ (n = 772)	285 (36,9%)	487 (63,1%)	1,25 (0,92-1,69)	> 0,05
	Nam (n = 247)	79 (32,0%)	168 (68,0%)		
Dân tộc	Thiểu số (n = 271)	89 (32,8%)	182 (67,2%)	0,84 (0,63-1,13)	> 0,05
	Kinh (n = 748)	275 (36,8%)	473 (63,2%)		

Bảng 1 chỉ ra không có mối liên quan có ý nghĩa giữa giới tính, dân tộc và nhóm tuổi với tỷ lệ mắc rối loạn lo âu xã hội.

Bảng 2. Mối liên quan giữa ngành học với tỷ lệ mắc rối loạn lo âu xã hội

Yếu tố		Rối loạn lo âu xã hội		OR (95%CI)	p
		Có	Không		
Ngành học	Y khoa (n = 493)	204 (41,4%)	289 (58,6%)	1,62 (1,25-2,09)	< 0,05
	Khác (n = 526)	160 (30,4%)	366 (69,6%)		

Kết quả tại bảng 2 cho thấy sinh viên học ngành y khoa có nguy cơ mắc rối loạn lo âu xã hội cao hơn sinh viên các ngành khác, sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$.

Bảng 3. Mối liên quan giữa yếu tố gia đình với tỷ lệ mắc rối loạn lo âu xã hội

Yếu tố		Rối loạn lo âu xã hội		OR (95%CI)	p
		Có	Không		
Khu vực sống	Nông thôn (n = 671)	238 (35,5%)	433 (64,5%)	0,97 (0,74-1,27)	> 0,05
	Thành thị (n = 348)	126 (36,2%)	222 (63,8%)		
Sống cùng bố mẹ	Không (n = 100)	38 (38,0%)	62 (62,0%)	1,12 (0,73-1,71)	> 0,05
	Có (n = 919)	326 (35,5%)	593 (64,5%)		
Bị bố mẹ chỉ trích/quát mắng	Thường xuyên (n = 168)	73 (43,5%)	95 (56,5%)	1,48 (1,06-2,07)	< 0,05
	Không (n = 851)	291 (34,2%)	560 (65,8%)		

Yếu tố		Rối loạn lo âu xã hội		OR (95%CI)	p
		Có	Không		
Hôn nhân của bố mẹ	Ly thân/ly dị/đã mất (n = 103)	40 (38,8%)	63 (61,2%)	1,16 (0,76-1,76)	> 0,05
	Sống cùng nhau (n = 916)	324 (35,4%)	592 (64,6%)		
Anh chị em	Con một (n = 66)	31 (47,0%)	35 (53,0%)	1,65 (1,00-2,72)	< 0,05
	≥ 2 (n = 953)	333 (34,9%)	620 (65,1%)		
Xung đột với gia đình	Có (n = 213)	93 (43,7%)	120 (56,3%)	1,53 (1,13-2,08)	< 0,05
	Không (n = 806)	271 (33,6%)	535 (66,4%)		

Bảng 3 chỉ ra sinh viên bị bố mẹ chỉ trích/quát mắng, sinh viên là con một, có xung đột với gia đình có tỷ lệ mắc rối loạn lo âu xã hội cao hơn rõ rệt, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$). Các yếu tố khu vực sống trước khi nhập học, sống cùng bố mẹ, hôn nhân của bố mẹ chưa có mối liên quan đến tỷ lệ mắc rối loạn lo âu xã hội.

Bảng 4. Mối liên quan giữa yếu tố hành vi với tỷ lệ mắc rối loạn lo âu xã hội

Yếu tố		Rối loạn lo âu xã hội		OR (95%CI)	p
		Có	Không		
Tự ti về bản thân	Có (n = 156)	85 (54,5%)	71 (45,5%)	2,51 (1,77-3,54)	< 0,05
	Không (n = 863)	279 (32,3%)	584 (67,7%)		
Tình hình tài chính	Không đủ (n = 178)	71 (39,9%)	107 (60,1%)	1,24 (0,89-1,73)	> 0,05
	Đủ/dư dả (n = 841)	293 (34,8%)	548 (65,2%)		
Tham gia hoạt động ngoại khóa	Có (n = 104)	41 (39,4%)	63 (60,6%)	1,19 (0,79-1,81)	> 0,05
	Không (n = 915)	323 (35,3%)	592 (64,7%)		
Tập thể dục thể thao	Không thường xuyên (n = 625)	238 (38,1%)	387 (61,9%)	1,31 (1,00-1,71)	< 0,05
	Thường xuyên (n = 394)	126 (32,0%)	268 (68,0%)		
Thời gian sử dụng mạng xã hội	≥ 3 giờ/ngày (n = 807)	308 (38,2%)	499 (61,8%)	1,72 (1,23-2,41)	< 0,05
	< 3 giờ/ngày (n = 212)	56 (26,4%)	156 (73,6%)		
Thức khuya sau 23 giờ	Có (n = 422)	180 (42,7%)	242 (57,3%)	1,67 (1,29-2,16)	< 0,05
	Không (n = 597)	184 (30,8%)	413 (69,2%)		
Sử dụng chất kích thích	Có (n = 10)	3 (30,0%)	7 (70,0%)	0,77 (0,19-2,99)	> 0,05
	Không (n = 1009)	361 (35,8%)	648 (64,2%)		
Hút thuốc lá/thuốc lá điện tử	Có (n = 25)	7 (28,0%)	18 (72,0%)	0,69 (0,29-1,68)	> 0,05
	Không (n = 994)	357 (35,9%)	637 (64,1%)		

Bảng 4 chỉ ra sinh viên tự ti về bản thân, tập thể dục thể thao không thường xuyên, sử dụng mạng xã hội ≥ 3 giờ/ngày, thức khuya sau 23 giờ đều có nguy cơ mắc rối loạn lo âu xã hội cao hơn, sự khác biệt có nghĩa thống kê với $p < 0,05$. Nơi ở hiện tại, sử dụng chất kích thích, hút thuốc lá/thuốc lá điện tử chưa có mối liên quan với tỷ lệ mắc rối loạn lo âu xã hội.

Bảng 5. Mối liên quan giữa yếu tố xã hội với tỷ lệ mắc rối loạn lo âu xã hội

Yếu tố		Rối loạn lo âu xã hội		OR (95%CI)	p
		Có	Không		
Bị chỉ trích về ngoại hình	Đã từng (n = 632)	253 (40,0%)	379 (60,0%)	1,66 (1,27-2,18)	< 0,05
	Chưa bao giờ (n = 387)	111 (28,7%)	276 (71,3%)		
Nhóm bạn thân	Không (n = 135)	46 (34,1%)	89 (65,9%)	0,92 (0,63-1,35)	> 0,05
	Có (n = 884)	318 (36,0%)	566 (64,0%)		
Khó khăn trong tìm bạn mới	Có (n = 340)	169 (49,7%)	171 (50,3%)	2,45 (1,87-3,21)	< 0,05
	không (n = 679)	195 (28,7%)	484 (71,3%)		

Kết quả bảng 5 cho thấy sinh viên từng bị chỉ trích về ngoại hình, gặp khó khăn trong việc tìm bạn mới có liên quan với tỷ lệ mắc rối loạn lo âu xã hội, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$.

Bảng 6. Phân tích hồi quy logistic đa biến một số yếu tố liên quan đến rối loạn lo âu xã hội ở sinh viên năm thứ nhất

Yếu tố	OR	95%CI	p
Ngành học y khoa	1,70	1,29-2,23	< 0,05
Thường xuyên bị bố mẹ chỉ trích/quát mắng	1,27	0,89-1,83	> 0,05
Là con một trong gia đình	1,87	1,10-3,18	< 0,05
Có xung đột với gia đình	1,24	0,89-1,73	> 0,05
Tự ti về bản thân	1,68	1,15-2,47	< 0,05
Không thường xuyên tập thể dục thể thao	1,09	0,82-1,46	> 0,05
Sử dụng mạng xã hội ≥ 3 giờ/ngày	1,49	1,04-2,15	< 0,05
Thức khuya sau 23 giờ	1,26	0,95-1,67	> 0,05
Đã từng bị chỉ trích về ngoại hình	1,30	0,97-1,74	> 0,05
Có khó khăn trong tìm bạn mới	2,07	1,55-2,77	< 0,05

Kết quả phân tích hồi quy logistic tại bảng 6 cho thấy các yếu tố có liên quan đến tỷ lệ mắc rối loạn lo âu xã hội là ngành học y khoa (OR = 1,70; $p < 0,05$), là con một trong gia đình (OR = 1,87; $p < 0,05$), tự ti về bản thân (OR = 1,68; $p < 0,05$), sử dụng mạng xã hội ≥ 3 giờ/ngày (OR = 1,49; $p < 0,05$), gặp khó khăn trong việc tìm bạn mới (OR = 2,07; $p < 0,05$).

4. BÀN LUẬN

Kết quả đánh giá mối liên quan của một số yếu tố nhân khẩu học với tình trạng rối loạn lo âu xã hội của chúng tôi cho thấy rằng giới tính không có mối liên quan với tỷ lệ mắc bệnh với $p > 0,05$. Kết quả này tương đồng với một số nghiên cứu về lo âu ở sinh viên y khoa như nghiên cứu phân tích gộp của Travis Tian-Ci Quek và cộng sự [8] và nghiên cứu của Yared Reta và cộng sự [3], giới tính không có mối liên quan với tỷ lệ rối loạn lo âu. Do đó, những can thiệp trong chăm sóc sức khỏe tâm thần cần đồng đều ở hai giới. Kết quả này trái ngược với nghiên cứu của Nguyễn Thị Thắm và cộng sự, sinh viên nữ có nguy cơ mắc rối loạn lo âu xã hội cao gấp 2,7 lần so với nam giới (OR = 2,70; $p < 0,05$) [5]. Nghiên cứu của Nguyễn Tiến Đạt và cộng sự lại chỉ ra giới tính nam có nguy cơ mắc rối loạn lo âu xã hội cao hơn nữ với $p < 0,01$ [6]. Như vậy, mối liên quan giữa giới tính và rối loạn lo âu còn chưa rõ ràng và khác nhau ở nhiều nghiên cứu. Cần có thêm nhiều nghiên cứu với cỡ mẫu lớn hơn và đối tượng nghiên cứu đặc trưng hơn để xác định chính xác đối tượng cần được ưu tiên hơn trong chăm sóc sức khỏe tâm thần.

Trong nghiên cứu của chúng tôi, dân tộc không có mối liên quan với tỷ lệ mắc rối loạn lo âu xã hội với $p > 0,05$. Nghiên cứu của Nguyễn Tiến Đạt và cộng sự cũng chỉ ra kết quả tương tự [6].

Ngành học y khoa có liên quan rất chặt chẽ với rối loạn lo âu xã hội. Sinh viên ngành y khoa có nguy cơ mắc rối loạn lo âu xã hội cao hơn các ngành học khác (OR = 1,70; $p < 0,05$). Trong nghiên cứu của Nguyễn Tiến Đạt và cộng sự, sinh viên ngành bác sĩ có tỷ lệ biểu hiện rối loạn lo âu cao hơn rõ rệt so với khối cử nhân

với $p < 0,05$ [6]. Đây là một gợi ý rất có ý nghĩa cho việc xác định đối tượng cần ưu tiên trong chăm sóc sức khỏe tâm thần của người học.

Trong số các yếu tố gia đình, số lượng anh chị em và có xung đột với gia đình có mối liên quan với tỷ lệ mắc rối loạn lo âu xã hội ở sinh viên, trong đó sinh viên là con một có nguy cơ cao hơn trong gia đình có từ hai anh chị em trở lên (OR = 1,87; $p < 0,05$). Những gia đình sinh một con thường có xu hướng yêu thương, chiều chuộng con hơn. Điều đó cũng có thể là nguyên nhân làm thiếu đi sự tự lập và dễ gặp những biến động tâm lý của đối tượng này khi tiếp cận môi trường tự lập ở bậc đại học.

Cũng trong nghiên cứu của chúng tôi, sinh viên sinh ra ở nông thôn hay thành phố không có mối liên quan với rối loạn lo âu xã hội. Tuy nhiên, nghiên cứu của Nguyễn Thị Thắm và cộng sự cho thấy sinh viên ở nông thôn có nguy cơ mắc rối loạn lo âu xã hội cao hơn (OR = 4,36; $p < 0,001$) [5]. Sự khác biệt có thể do cách chọn đối tượng nghiên cứu.

Thói quen sử dụng mạng xã hội ≥ 3 giờ/ngày là yếu tố có liên quan chặt chẽ với rối loạn lo âu xã hội (OR = 1,49; $p < 0,05$). Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Nguyễn Thị Thắm và cộng sự, sử dụng mạng xã hội trên 4 giờ/ngày (OR = 7,72; $p < 0,05$) [5]. Trong bối cảnh phát triển của các nền tảng mạng xã hội, nội dung ngày càng phong phú, đặc biệt khó khăn trong chọn lọc thông tin, các thông tin xấu, độc, tin giả ảnh hưởng nhiều đến sức khỏe tâm thần. Nghiên cứu của Aaron C Weidman và cộng sự cũng chỉ ra mối liên quan của những người có rối loạn lo âu xã hội và việc sử dụng internet, những người mắc bệnh sử dụng internet như một giải pháp thay thế cho việc giao tiếp trực tiếp, và điều này có thể dẫn đến tình trạng sức khỏe càng ngày càng giảm sút [9].

Nghiên cứu của chúng tôi cho thấy những sinh viên có khó khăn trong việc tìm bạn mới có tỷ lệ mắc rối loạn lo âu xã hội cao hơn đáng kể (OR = 2,07; $p < 0,05$). Đối với sinh viên năm nhất, môi trường học tập, môi trường

sống mới có tác động rất lớn đến sức khỏe tâm thần. Khi đó, bạn bè là đối tượng tiếp xúc nhiều nhất, giúp chia sẻ kiến thức, cảm xúc khi ở xa nhà. Khi có nhiều bạn bè, sinh viên sẽ ít cảm thấy cô đơn và cô lập xã hội hơn, hiện tượng chia sẻ gánh nặng sang chấn từ xã hội giúp làm nhẹ mức độ tác động của các tình huống gây lo âu, căng thẳng, và sinh viên khó khăn trong tìm bạn mới không có thuận lợi này.

Nghiên cứu của chúng tôi có một số hạn chế. Thứ nhất đối tượng nghiên cứu bao gồm cả sinh viên hệ cử nhân (4 năm) và sinh viên bác sỹ (6 năm), do đó có thể gặp những sai sót khi phân tích. Trong tương lai, chúng tôi sẽ nghiên cứu sâu hơn và xác định các yếu tố liên quan đến bệnh trên từng nhóm đối tượng. Ngoài ra, do là nghiên cứu cắt ngang nên kết quả chỉ mô tả tại thời điểm nghiên cứu.

5. KẾT LUẬN

Nghiên cứu chỉ ra các yếu tố ngành học y khoa, là con một trong gia đình, tự ti về bản thân, sử dụng mạng xã hội ≥ 3 giờ/ngày, gặp khó khăn trong việc tìm bạn mới là những yếu tố có liên quan với tỷ lệ mắc rối loạn lo âu xã hội ở sinh viên năm thứ nhất Trường Đại học Y Dược, Đại học Thái Nguyên. Do đó, cần có những kế hoạch tư vấn, giáo dục, hỗ trợ sinh viên năm thứ nhất để tăng cường sự tương tác trực tiếp với các yếu tố của môi trường mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Lê Thị Diễm Trinh, Phạm Tuấn Cường và cộng sự. Tỷ lệ mắc ám ảnh sợ xã hội và một số yếu tố liên quan ở học sinh Trung học phổ thông Nguyễn Khuyến, tỉnh Bình Phước. Tạp chí Y học cộng đồng, 2021, 62 (4), tr. 174-179.
- [2] Mohammad Reza Mohammadi, Mona Salehi et al. Social anxiety disorder among children and adolescents: A nationwide survey of prevalence, socio-demographic characteristics, risk factors and co-morbidities. Journal of Affective Disorders, 2020, 263: 450-457.
- [3] Yared Reta, Mohammed Ayalew, Tebikew Yeneabat et al. Social anxiety disorder among undergraduate students of Hawassa University, College of Medicine and Health Sciences, Ethiopia. Neuropsychiatric disease and treatment, 2020, 571-577.
- [4] Bashaer Hassan Al-Hazmi, Samia Seddeq Sabur, Raghad Hassan Al-Hazmi. Social anxiety disorder in medical students at Taibah University, Saudi Arabia. Journal of Family Medicine and Primary Care, 2020, 9 (8): 4329-4332.
- [5] Nguyễn Thị Thắm và cộng sự. Thực trạng mắc và một số yếu tố liên quan đến hội chứng ám ảnh sợ xã hội ở sinh viên y học dự phòng, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng năm 2019. Tạp chí Y học dự phòng, 2019, 9 (29), tr. 103-111.
- [6] Nguyễn Tiến Đạt, Hà Thảo Linh và cộng sự. Tỷ lệ rối loạn lo âu lan tỏa và một số yếu tố liên quan ở sinh viên Đại học Y Hà Nội năm học 2018-2019. Tạp chí Nghiên cứu y học, 2021, 140 (4), tr. 135-142.
- [7] Getachew Tesfaw Desalegn, Wondale Getinet, Getnet Tadie. The prevalence and correlates of social phobia among undergraduate health science students in Gondar, Gondar Ethiopia. BMC Research Notes, 2019, 12, 1-6.
- [8] Travis Tian-Ci Quek, Wilson Wai-San Tam, Bach X Tran et al. Research and public health, 2019, 16 (15): 2735.
- [9] Aaron C Weidman, Katya C Fernandez, Cheri A Levinson et al. Compensatory internet use among individuals higher in social anxiety and its implications for well-being. Personality and individual differences, 2012, 53 (3): 191-195.